TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH TRÌ** THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **42/**2025/DS-ST
Ngày: 31/3/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Nam**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Võ Văn Định**.

Ông **Nguyễn Hồng Đức**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Mai** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì *tham gia phiên tòa:* Bà **Mai Thị Phượng** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 178/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2025/ QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Đ**.

Trụ sở: Số .., phố N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông **N.Đ.L** - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **M.X.T** - Giám đốc Khối Quản lý và Tái cấu trúc tài sản, theo Giấy ủy quyền số 10771/UQ-PVB ngày 10/6/2020. Uỷ quyền lại cho: Bà **H.V.H1** - Phó Giám đốc Khối Quản lý và Tái cấu trúc tài sản, theo Giấy ủy quyền số 6681/UQ-PVB ngày 01/4/2024. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **T.V.D** - Giám đốc khách hàng không tài sản bảo đảm - Phòng quản lý khách hàng không tài sản bảo đảm, bà **N.T.TH2** - Chuyên gia quản lý khách hàng, theo Giấy ủy quyền số 22848/UQ-PVB ngày 09/10/2024. - *Xin vắng mặt.*

Bị đơn: Anh **C.A.Q**, sinh năm 19... - *Vắng mặt.*

Nơi thường trú: Số .., đường C, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 09/10/2024, Bản tự khai ngày 07/01/2025, Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là **Ngân hàng TMCP Đ** và người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng trình bày:

Ngày 04/01/2021, anh C.A.Q ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 299/HĐTD/PVB-Linh Đàm và bản Điều khoản và điều kiện về cấp tín dụng và phát hành, sử dụng thẻ tín dụng tại PVcomBank) với Ngân hàng TMCP Đ. Căn cứ thu nhập của anh Q, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 5387425553615593 với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, anh Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 590.998.546 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay anh Q đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 438.389.000 đồng (Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 19 của bản Điều khoản và điều kiện về cấp tín dụng và phát hành, sử dụng thẻ tín dụng tại PVcomBank, số tiền thanh toán sẽ trừ phí, lãi, các khoản giao dịch rút tiền mặt, các khoản giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng anh Q vẫn không có thiện chí trả nợ. Do anh Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 5, 15 của bản Điều khoản và điều kiện về cấp tín dụng và phát hành, sử dụng thẻ tín dụng tại PVcomBank), ngày 16/3/2022, Ngân hàng đã thực hiện tính lãi theo quy định tại Điều 4 của bản Điều khoản và điều kiện về cấp tín dụng và phát hành, sử dụng thẻ tín dụng tại PVcomBank. Công thức tính lãi thẻ = Số tiền giao dịch x Số ngày tính lãi x Lãi suất thẻ/365.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc anh Q phải trả tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 07/01/2025 là 131.905.191 đồng, trong đó nợ gốc là 39.910.000 đồng và nợ lãi là 91.995.191 đồng.

- Buộc anh Q phải trả các khoản nợ lãi, phí phát sinh kể từ ngày 08/01/2025 cho đến khi tất toán khoản vay.

- Trường hợp anh Q không thanh toán được ngay toàn bộ nghĩa vụ nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các nguồn thu và tài sản hợp pháp khác của anh Q để thanh toán nợ.

Bị đơn là anh **C.A.Q** đã được tống đạt, niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập phiên tòa để anh Q biết những vấn đề cụ thể mà Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời triệu tập anh Q đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tuy nhiên, anh Q không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Do anh Q không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP Đ xin vắng mặt, có văn bản rút một phần yêu cầu đòi tiền lãi (phí chậm thanh toán), yêu cầu Tòa án buộc anh Q thanh toán toàn bộ số tiền tính đến ngày 31/3/2025 là 85.505.808 đồng, trong đó nợ gốc là 39.910.000 đồng, lãi quá hạn là 45.595.808 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến ngày anh Q thanh toán được toàn bộ khoản vay. Anh Q vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành, bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nguyên đơn các khoản tiền tính đến ngày 31/3/2025 gồm: Nợ gốc là 39.910.000 đồng, lãi quá hạn là 45.595.808 đồng, tổng là 85.505.808 đồng. Về án phí: Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với anh C.A.Q, thường trú tại số .., đường C, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

[2] Về việc xét xử trong trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh C.A.Q là bị đơn không có yêu cầu phản tố, vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung và hiệu lực hợp đồng tín dụng: Ngày 04/01/2021, anh C.A.Q ký Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 299/HĐTD/PVB-Linh Đàm, đề nghị Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Hà Nội - Phòng giao dịch Linh Đàm cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 40.000.000 đồng và được Ngân hàng chấp thuận. Kèm theo Giấy đề nghị là Điều khoản và điều kiện về cấp tín dụng và phát hành, sử dụng thẻ tín dụng tại PvcomBank và Quy định số 12455/2020/QĐ-KHCN ngày 07/7/2020 về việc phát hành, sử dụng và thanh toán thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân, gồm các điều khoản chủ yếu sau:

Dư nợ là số tiền chủ thẻ đang nợ PVcomBank tại một thời điểm bất kỳ phát sinh từ việc phát hành và sử dụng thẻ. Dư nợ cuối kỳ là số tiền chủ thẻ đang nợ PVcomBank tính đến hết ngày sao kê, bao gồm giá trị các giao dịch, phí và lãi liên quan đến việc sử dụng thẻ.

Vào ngày sao kê, PVcomBank sẽ liệt kê tất cả các giao dịch của chủ thẻ phát sinh trong kỳ sao kê đã được cập nhật trên hệ thống PVcomBank. Các giao dịch ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam với tỷ giá theo quy định của PVcomBank tại thời điểm giao dịch được cập nhật vào hệ thống. PVcomBank sẽ thu các loại phí phát sinh theo quy định từng thời kỳ.

Chủ thẻ có trách nhiệm kiểm tra tất cả các khoản nợ phát sinh ghi trên sao kê. Chủ thẻ phải gửi thắc mắc của mình liên quan đến giao dịch trên sao kê bằng văn bản cho PVcomBank trong vòng 7 ngày kể từ ngày PVcomBank lập sao kê. Nếu trong thời hạn đó, PVcomBank không nhận được thông báo của chủ thẻ thì coi như chủ thẻ đồng ý thanh toán tất cả các giao dịch, phí và lãi phát sinh trên sao kê.

Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán đúng hạn cho PVcomBank tất cả các khoản nợ phát sinh ghi trên sao kê, mức ít nhất bằng số tiền thanh toán tối thiểu. Nếu dư nợ không vượt quá hạn mức tín dụng, số tiền thanh toán tối thiểu = Giá trị trả góp đến hạn trong kỳ (nếu có) + Tỷ lệ phần trăm thanh toán tối thiểu x Dư nợ cuối kỳ còn lại của thẻ tín dụng (không bao gồm dư nợ khoản trả góp). Nếu dư nợ vượt quá hạn mức tín dụng, số tiền thanh toán tối thiểu = Giá trị trả góp đến hạn trong kỳ (nếu có) + Tỷ lệ phần trăm thanh toán tối thiểu x Dư nợ cuối kỳ còn lại của thẻ tín dụng (không bao gồm dư nợ khoản trả góp) + Số tiền vượt hạn mức.

Tỷ lệ phần trăm thanh toán tối thiểu thực hiện theo quy định của PvcomBank tại từng thời kỳ.

Việc thanh toán của chủ thẻ chỉ được coi là thành công khi hệ thống của PVcomBank ghi nhận được giao dịch của chủ thẻ. Dư nợ được thanh toán theo thứ tự thời gian giao dịch được cập nhật vào hệ thống và theo thứ tự dưới đây: Các khoản phí, lãi, các khoản giao dịch rút tiền mặt, các khoản giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ.

Các giao dịch sử dụng thẻ sẽ bị tính lãi: Giao dịch rút tiền mặt, giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ và các giao dịch khác phát sinh theo quy định của PVcomBank trong từng thời kỳ, các loại phí phát sinh khi sử dụng thẻ.

Đối với các giao dịch thanh toán hàng hóa: Nếu chủ thẻ thanh toán đầy đủ và đúng hạn toàn bộ số dư nợ (bao gồm dư nợ phát sinh từ giao dịch rút tiền mặt, giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ, tiền lãi phát sinh từ giao dịch rút tiền mặt, tiền phí của kỳ sao kê đó), chủ thẻ sẽ được miễn lãi cho toàn bộ giao dịch thanh toán hàng hóa dịch vụ trong kỳ sao kê. Nếu chủ thẻ không thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần số dư nợ cuối kỳ (bao gồm dư nợ của kỳ trước, dư nợ phát sinh từ giao dịch rút tiền mặt, giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ, tiền lãi, các khoản phí liên quan đến việc sử dụng thẻ của kỳ sao kê đó) hoặc thanh toán nợ sau ngày đến hạn, PVcomBank sẽ tính lãi trên toàn bộ dư nợ cuối kỳ tính từ ngày các giao dịch được cập nhật vào hệ thống quản lý thẻ của PVcomBank đến ngày chủ thẻ thanh toán một phần số tiền giao dịch hoặc toàn bộ dư nợ, các giao dịch còn lại chưa thanh toán sẽ tiếp tục được tính lãi cho đến khi được thanh toán và các khoản lãi này được thể hiện trên kỳ sao kê tiếp theo.

Đối với giao dịch rút tiền mặt: Dư nợ của giao dịch rút tiền mặt sẽ bị tính lãi từ ngày giao dịch được cập nhật vào hệ thống quản lý thẻ của PvcomBank cho đến ngày chủ thẻ thanh toán toàn bộ số tiền rút tiền mặt (không phụ thuộc vào ngày sao kê).

Lãi suất thẻ đối với việc sử dụng thẻ tín dụng do PvcomBank ban hành và được thay đổi theo từng thời kỳ phù hợp với quy định pháp luật và quy định nội bộ của PvcomBank. Công thức tính lãi thẻ = Số tiền giao dịch x Số ngày tính lãi x Lãi suất thẻ/365".

Phí rút tiền mặt: Khoản phí chủ thẻ phải trả khi thực hiện các giao dịch rút tiền mặt tại ATM hoặc POS được lắp đặt tại các chi nhánh, phòng giao dịch của PvcomBank. Phí vượt hạn mức: Khoản phí chủ thẻ phải trả khi dư nợ thẻ vượt hạn mức thẻ tín dụng được cấp. Phí chậm thanh toán: Khoản phí chủ thẻ phải trả khi chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn số tiền thanh toán tối thiểu sau ngày đến hạn thanh toán. Chi tiết các loại phí được quy định tại biểu phí do PVcomBank ban hành và là một phần không thể tách rời của bản Điều khoản và Điều kiện.

Xét việc hai bên giao kết hợp đồng tín dụng có nội dung nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ ngân hàng (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 30/2016/TT-NHNN ngày 14/10/2016, Thông tư số 26/2017/TT-NHNN ngày 29/12/2017, Thông tư số 41/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018, Thông tư số 28/2019/TT-NHNN ngày 25/12/2019), nên hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm giao kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[4] Về yêu cầu đòi nợ gốc: Hợp đồng tín dụng đã giao kết thuộc loại có kỳ hạn trả nợ là 01 tháng. Vào ngày 26 hàng tháng, Ngân hàng TMCP Đ gửi thông báo giao dịch thẻ cho anh C.A.Q gồm các thông tin về dư nợ đầu kỳ, ngày giao dịch, số tiền giao dịch, nợ phát sinh trong kỳ, phí và lãi, khoản đã thanh toán, số tiền phải thanh toán tối thiểu, dư nợ cuối kỳ để anh Q biết và thực hiện nghĩa vụ trả nợ trước 16 giờ 30 phút (từ thứ Hai đến thứ Sáu) hoặc 11 giờ 30 phút (thứ Bảy) của ngày đến hạn thanh toán ghi trên sao kê để tránh phát sinh phí/lãi phạt chậm thanh toán. Theo Báo cáo chi tiết giao dịch, thanh toán, từ ngày 15/01/2021 đến ngày 31/3/2025, anh Q đã thực hiện các giao dịch thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ, với tổng số tiền là 477.399.000 đồng, đã trả số tiền gốc là 437.489.000 đồng. Lần cuối cùng anh Q trả nợ gốc là ngày 15/3/2022, Ngân hàng chốt dư nợ gốc tính đến ngày 15/3/2022 là: 477.399.000 đồng - 437.489.000 đồng = 39.910.000 đồng và chấm dứt quyền sử dụng thẻ của anh Q từ ngày 16/3/2022. Nay Ngân hàng yêu cầu anh Q trả số nợ gốc là 39.910.000 đồng, anh Q không có ý kiến phản đối. Căn cứ vào Điều 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ, buộc anh Q trả số nợ gốc tính đến ngày 31/3/2025 là 39.910.000 đồng.

[5] Về yêu cầu đòi tiền lãi quá hạn: Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu anh Q trả số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 16/3/2022 đến ngày 31/3/2025 là: 39.910.000 đồng x 25%/năm x 150% x 1.112 ngày = 45.595.808 đồng. Anh Q không có ý kiến phản đối. Căn cứ vào Điều 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ, buộc anh Q phải trả số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 31/3/2025 là 45.595.808 đồng.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 2.837.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp; anh Q phải trả Ngân hàng TMCP Đ 85.505.808 đồng, nên phải chịu 4.275.290 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, các Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ về việc đòi anh C.A.Q trả số tiền nợ phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký kết ngày 04/01/2021. Buộc anh C.A.Q trả Ngân hàng TMCP Đ các khoản tiền tính đến ngày 31/3/2025 gồm: Nợ gốc là 39.910.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 45.595.808 đồng, tổng số tiền là 85.505.808 đồng (Tám mươi lăm triệu, năm trăm linh năm nghìn, tám trăm linh tám đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

3.1. Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại số tiền 2.837.000 đồng (Hai triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0056442 ngày 12/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

3.2. Anh C.A.Q phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.275.290 đồng (Bốn triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn, hai trăm chín mươi đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Ngân hàng TMCP Đ, anh C.A.Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Hữu Nam